

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: 55/2019/DS-ST

Ngày: 06-3-2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

2. Ông Dương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2018/TLST-DS ngày 11/12/2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 357/2019/QĐ-CA ngày 05/3/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1975. (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 17/4 ấp AT, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. (Có mặt)

Diệp Tấn N, sinh năm 1977. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số 133/3, ấp AN, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07/11/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L trình bày: Vào ngày 26/02/2018 (âm lịch) bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Tấn N vay số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng để trả tiền vay ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 1%. Khi vay có làm giấy và hứa trong 02 tuần sẽ toàn bộ số tiền này nhưng bà T và ông N chỉ trả được 23.000.000 đồng, còn lại 277.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Tấn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền là 277.000.000 (Hai trăm bảy mươi bảy triệu) đồng, trả một lần không yêu cầu tính lãi. Đối với khoản nợ lãi bà yêu cầu bà T và ông N phải trả cho bà số tiền là 32.250.000 đồng, nay bà L tự nguyện rút

yêu cầu trả lãi theo đơn khởi kiện và không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 08/11/2018 đến ngày xét xử.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà thừa nhận hiện nay bà và ông Diệp Tấn N còn nợ của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền vốn vay là 277.000.000 (Hai trăm hai mươi bảy triệu) đồng, nhưng đến nay chưa có khả năng trả cho bà L.

Tại phiên tòa bà đồng ý bà và ông Diệp Tấn N sẽ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền là 277.000.000 (Hai trăm bảy mươi bảy triệu) đồng và yêu cầu được trả dần hàng tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Diệp Tấn N có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng theo nội dung bản tự khai ngày 12/12/2018, các biên bản hòa giải ngày 17/01/2019, 20/02/2019 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 05/3/2019 ông N trình bày:

Ông N thừa nhận hiện nay ông N và bà Nguyễn Thị T còn nợ của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 277.000.000 (Hai trăm bảy mươi bảy triệu) đồng, nhưng đến nay chưa trả cho bà L số tiền này. Ông N đồng ý có nghĩa vụ liên đới với bà T trả cho bà L số tiền 277.000.000 (Hai trăm bảy mươi bảy triệu) đồng nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, trả cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Tấn N theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thụ tục tố tụng: Ông Diệp Tấn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L với bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Tấn N được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xác định hợp đồng vay tài sản là hợp pháp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Tấn N đã thừa nhận còn nợ của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 277.000.000 (Hai trăm bảy mươi bảy triệu) đồng và yêu cầu xin được trả dần hàng tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, trả cho đến khi hết nợ.

[5] Đối với khoản nợ lãi bà L yêu cầu bà T, ông N phải trả cho bà L số tiền là 32.250.000 đồng, nay bà L tự nguyện rút yêu cầu trả lãi theo đơn khởi kiện, đồng thời không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 08/11/2018 đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét việc bà T và ông N yêu cầu trả dần vào hàng tháng số tiền nợ gốc cho bà L là không có cơ sở chấp nhận, do lúc hai bên giao kết hợp đồng vay tài sản không có

thỏa thuận cách thức trả dần và tại phiên tòa hôm nay bà L không đồng ý cho bà T, ông N trả dần.

[7] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị T, ông Diệp Tấn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền là 277.000.000 (Hai trăm bảy mươi bảy triệu) đồng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Tấn N phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí bà T, ông N phải liên đới nộp ($277.000.000 \text{ đồng} \times 5\%$) là: 13.850.000 (Mười ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, các Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Diệp Tấn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 277.000.000 (Hai trăm bảy mươi bảy triệu) đồng. Về lãi suất bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T, ông N phải liên đới nộp 13.850.000 (Mười ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Kim L được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.307.000 (Tám triệu, ba trăm lẻ bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0021537 ngày 11/12/2018.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết